TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIÊN LƯƠNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **63**/2020/QĐST-DS	*Kiên Lương, ngày 13 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 174/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị D** - sinh năm 1954

Địa chỉ: KP. C, thị trấn K, huyện K, tỉnh K.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Bính K, sinh năm 1976 (Theo văn bản ủy quyền ngày 17/9/2018).

Địa chỉ: Số 11/15, Nguyễn Thái S, phường 3, quận G, Tp. H

Bị đơn: 1/ Anh **Phạm Văn Đ** - sinh năm 1974

2/ Chị **Bùi Thị L** - sinh năm 1973

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn K, huyện K, tỉnh K

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Chu Quốc P sinh năm 1976 (Theo giấy ủy quyền ngày 08/4/2019).

Địa chỉ: Số 74, Mạc Thiên T, khu phố N, thị trấn K, huyện K, tỉnh K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị **Nguyễn Thị Mỹ T** - sinh năm 1983 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nghiêm Xuân T và đại diện cho 2 con là Nghiêm Xuân B sinh năm 2005 và Nghiêm Xuân M sinh năm 2011.

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn K, huyện K, tỉnh K.

2/ Chị **Nguyễn Thị Diễm K** - sinh năm 1979.

3/ Chị **Nghiêm Thị Mộng T** - sinh năm 1984

4/ Chị **Nghiêm Thị Mộng Th** - sinh năm 1982

5/ Chị **Nghiêm Thị Diễm Th** - sinh năm 1977

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn K huyện K tỉnh Kiên Giang

(Chị K, T, Th, ủy quyền cho ông Phạm Bính Kh tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 30/10/2018).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Phạm Thị D yêu cầu anh Phạm Văn Đ và chị Bùi Thị L phải giao số tiền 200.000.000đ *(Hai trăm triệu đồng)* cho bà Phạm Thị D. Các con gồm chị Nghiêm Thị Diễm K; chị Nghiêm Thị Mộng T; chị Nghiêm Thị Mộng Th thống nhất theo yêu cầu của bà Phạm Thị D và không có yêu cầu gì khác.

Bà Phạm Thị D và chị Nghiêm Thị Diễm K; chị Nghiêm Thị Mộng T; chị Nghiêm Thị Mộng Th đồng ý giao toàn bộ nhà và quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn Đ và bà Bùi Thị L được sử dụng phần nhà và đất theo giấy CNQSDĐ số AP 909732 với diện tích 93,5m^2 đất ở tại đô thị do bà Phạm Thị D đứng tên sử dụng tọa lạc tại khu phố N thị trấn K huyện K tỉnh K, được UBND huyện K cấp ngày 29/10/2009. Trên đất có nhà và công trình xây dựng khác trên đất tọa lạc tại địa chỉ 23 đường M, tổ 15, khu phố N, thị trấn K huyện K tỉnh K. Bà Phạm Thị D đã giao giấy CNQSDĐ và nhà nêu trên cho anh Phạm Văn Đ và chị Bùi Thị L. (Đã thực hiện xong).

- Anh Phạm Văn Đ và chị Bùi Thị L thống nhất theo yêu cầu của bà Phạm Thị D: Anh Phạm Văn Đ và chị Bùi Thị L đồng ý giao số tiền 200.000.000đ *(Hai trăm triệu đồng)* cho bà Phạm Thị D và được toàn quyền sử dụng toàn bộ đất, nhà và công trình xây dựng trên đất nêu trên. (Số tiền 200.000.000đ *(Hai trăm triệu đồng*) anh Phạm Văn Đ và chị Bùi Thị L đã giao cho bà Phạm Thị D xong).

- Ý kiến người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nghiêm Xuân T là chị Nguyễn Thị Mỹ T (vợ ông T) và cũng là người đại diện theo pháp luật của 2 con ông T là Nghiêm Xuân B, sinh năm 2005 và Nghiêm Xuân M, sinh năm 2011 thống nhất nội dung trên và không có yêu cầu gì đối với số tài sản trên.

- Ý kiến của chị Nghiêm Thị Diễm T thống nhất nội dung trên và không có yêu cầu gì với số tài sản trên.

* Anh Phạm Văn Đ và chị Bùi Thị L có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục theo quy định để được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà nêu trên trên đúng theo quy định.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

***** Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000đ *(Năm triệu đồng).*

- Bà Phạm Thị D nộp ½ là 2.500.000đ. Nhưng do bà Phạm Thị D là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được tòa án chấp nhận.

- Anh Phạm Văn Đ và chị Bùi Thị L nộp ½ là 2.500.000đ nhưng do bà Phạm Thị D tự nguyện nộp số tiền này thay cho ông Đ và chị L. Nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai số 0001927 ngày 12/7/2018 của Chi cục thi hành án dân dự huyện K. Sau khi đối trừ thì bà Phạm Thị Di phải nộp thêm số tiền 2.200.000đ *(Hai triệu hai trăm nghìn đồng).*

Anh Phạm Văn Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 3.100.000đ *(Ba triệu một trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0004459 ngày 02/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi Nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện Kiên Lương;*
- *Chi cục THADS H. Kiên Lương;*
(để thi hành)
- *Các đương sự,*
- *Lưu HSVA.*

THẨM PHÁN

Trần Đình Đăng